

Bản án số: 212/2019/DS-PT
Ngày: 27/11/2019
V/v tranh chấp lối đi và đường
dẫn nước phục vụ sản xuất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Bá Kha

Các thẩm phán: Ông Trần Bình Đảo

Ông Lê Quang Tấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Năng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Ông Trịnh Văn Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 10 và ngày 27 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 148/2019/TLPT-DS ngày 11 tháng 9 năm 2019 về “Tranh chấp lối đi và đường dẫn nước phục vụ sản xuất”.

Do bản án sơ thẩm số: 84/2019/DS-ST ngày 20 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện K2, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 186/2019/QĐPT-DS ngày 30 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn G**, sinh năm: 1976

Địa chỉ: số 14 tổ 3, ấp Càng, xã H, huyện K2, tỉnh Kiên Giang

- Bị đơn: Ông **Lâm Chí K** (tên gọi khác: Ty), sinh năm: 1976

Địa chỉ: tổ 11 ấp Ngã Tư, xã T, thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà **Nguyễn Thị Trúc L**, sinh năm: 1988

Địa chỉ: tổ 3, ấp Càng, xã H, huyện K2, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà L: Ông Nguyễn Văn S, sinh năm: 1951 (theo văn bản ủy quyền ngày 08/01/2018).

Địa chỉ: số 45 tổ 3, ấp Càng, xã H, huyện K2, tỉnh Kiên Giang.

2. Bà **Đỗ Thị Hồng L1**, sinh năm: 1978.

Địa chỉ: tổ 11 ấp Ngã Tư, xã T, thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

3. **Ủy ban nhân dân huyện K2, tỉnh Kiên Giang.**

Địa chỉ: khu phố B, thị trấn K1, huyện K2, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật: ông Giang Thanh K, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện K2, tỉnh Kiên Giang.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Nguyễn Văn G; Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan của bà Nguyễn Thị Trúc L là ông Nguyễn Văn S.

(Ông G, ông K, bà L1, ông S có mặt tại phiên tòa; bà L, ông K1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn G trình bày như sau: Ông G và một số hộ dân có đất nuôi trồng thủy sản tại ấp Càng xã H, đất được cấp giấy chứng nhận QSD đất, đất nằm ở vị trí giữa kênh 500 và kênh 1000, cách con kênh 500 với sông R - H cặp lộ Hòa Điền là phần đất của ông Lâm Chí K. Trước đây phần đất của ông K là nhận chuyển nhượng lại của ông Nguyễn Trọng N, ông N nhận chuyển nhượng từ ông H và ông T. Khi đó có một con kênh công cộng ngang 5 mét chạy dài từ lộ Hòa Điền lấy nước sản xuất từ sông R - H đến kênh 1000. Sau khi nhận chuyển nhượng ông N san lấp con kênh này để nuôi tôm đồng thời có mở một lối đi cho các hộ canh tác phía trong từ lộ Hòa Điền vào phần đất các hộ ở phía trong. Từ trước đến nay Ông G và các hộ dân có đất canh tác phía trong đi con đường này mà không có tranh chấp gì. Năm 2016 ông N chuyển nhượng đất cho ông K, ông K không cho Ông G và các hộ dân có đất canh tác phía trong đi trên con đường mà ông N san lấp trước đây.

Tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa Ông G yêu cầu tòa án giải quyết buộc ông Lâm Chí K trả lại con kênh công cộng cho Nhà Nước theo đúng hiện trạng trước kia có bề ngang rộng 5m chạy dài tới kinh 500 giáp với phần đất của những người liền kề với đất của ông K để có đường đi lại sản xuất và lấy nước để nuôi tôm.

Bị đơn ông Lâm Chí K trình bày: Trước đây ông K mua lại phần đất của ông Nguyễn Trọng N và không hề biết việc thỏa thuận giữa ông N với Ông G về con mương nước. Nay Ông G khởi kiện để yêu cầu khôi phục con mương nước thì ông K tự nguyện trả lại phần con mương nước hiện tại cho Nhà nước để Ông G và các hộ dân canh tác phía sau liên quan đến con mương nước được sử dụng. Sau khi Tòa án giải quyết thì ông K đồng ý để cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phù hợp với hiện trạng.

Về lối đi thì hiện trạng cũ không có lối đi, chỉ có con mương nước công cộng thì ông K chỉ trả con mương nước công cộng mà không đồng ý cho Ông G và các hộ dân đi trên phần đất vì ảnh hưởng đến quá trình canh tác đất cũng như đây không phải là lối đi duy nhất của những hộ dân này.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị Hồng L1 trình bày: Bà L1 thống nhất với ý kiến của ông Lâm Chí K.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Trúc L do ông Nguyễn Văn S đại diện trình bày: Thống nhất với yêu cầu của Ông G về việc buộc ông K trả lại hiện trạng con mương nước cho Nhà Nước và lối đi.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 84/2019/DS-ST ngày 20/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện K2, tỉnh Kiên Giang đã xét xử, quyết định:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn G về yêu cầu trả lại đường dẫn nước và Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lâm Chí K (tên gọi khác: Ty) và bà Đỗ Thị Hồng L1 về việc trả lại cho nhà nước đường dẫn nước có diện tích 1.734,5m² là hình số 02 trong tờ trích đo địa chính số 89-2019 ngày 09/5/2019 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện K2.

Buộc ông K và bà L1 có nghĩa vụ giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để cơ quan quản lý đất đai huyện K2 điều chỉnh phần diện tích đường dẫn nước có ký hiệu số 02 trong tờ trích đo địa chính số 89-2019 ngày 09/5/2019 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện K2 ra khỏi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BX124990 cấp ngày 04/8/2015 hiện do ông Lâm Chí K đứng tên.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn G về việc yêu cầu ông Lâm Chí K dành một lối đi.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 04/7/2019 ông Nguyễn Văn G, ông Nguyễn Văn S cùng có đơn kháng cáo Bản án sơ thẩm với nội dung:

Yêu cầu Chủ tịch UBND huyện K2, Phòng Tài nguyên môi trường, ông Lâm Chí K, bà Đỗ Thị Hồng L1 phải có trách nhiệm phục hồi lại kênh công cộng hiện trạng cũ của Nhà nước để tạo điều kiện phục vụ đi lại, sinh hoạt, sản xuất. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang mở phiên tòa xét xử lưu động tại địa điểm thích hợp, tạo điều kiện thuận lợi để nhân dân xã H, huyện K2 tham gia chứng kiến.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn ông Nguyễn Văn G và người đại diện cho bà Nguyễn Thị Trúc L là ông Nguyễn Văn S có ý kiến giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu ông Lâm Chí K, bà Đỗ Thị Hồng L1 phải phục hồi lại kênh công cộng hiện trạng cũ của Nhà nước để trả lại cho Nhà nước.

Bị đơn ông Lâm Chí K không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của Ông G và ông S về việc yêu cầu lối đi vì ảnh hưởng đến việc canh tác của ông, ông chỉ đồng ý phần mương nước hiện tại nằm trong giấy chứng nhận QSD đất do ông đứng tên để Ông G và các hộ lân cận được sử dụng để canh tác.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn G và ông Nguyễn Văn S (đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Trúc L). Áp dụng khoản 4 Điều 308, Điều 311 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hủy bản án sơ thẩm số 84/2019/DS-ST ngày 20/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện K2. Đình chỉ giải quyết vụ án dân sự theo thụ lý vụ án số 134/2018/TLST-DS ngày 30/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện K2, tỉnh Kiên Giang, lý do nguyên đơn không có quyền khởi kiện để bảo vệ quyền và lợi ích công cộng và lợi ích của Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Trúc L vắng mặt nhưng có người đại diện là ông Nguyễn Văn S tham gia phiên tòa. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện K2 do ông K1 đại diện vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó căn cứ khoản 1, 2 Điều 228, khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Trúc L và đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân huyện K2 là phù hợp.

[2]. Xét kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn G, người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Trúc L là ông Nguyễn Văn S yêu cầu ông Lâm Chí K, bà Đỗ Thị Hồng L1 phải phục hồi lại kênh công cộng hiện trạng của Nhà Nước để canh tác, yêu cầu ông K mở lại lối đi công cộng để Ông G, ông S đi vào đất canh tác. Hội đồng xét xử xét thấy:

Nguyên đơn Ông G, người đại diện của bà L là ông S trình bày nguồn gốc đất của ông K trước đây là do ông N nhận chuyển nhượng của ông H và ông T, khi đó có một con kênh công cộng của Nhà Nước ngang 5 mét chạy dài từ lộ Hòa Điền lấy nước sản xuất từ sông Rạch Giá - Hà Tiên đến Kênh 1000. Sau đó thì ông N có san lấp con kênh để nuôi tôm, đồng thời mở một lối đi cho các hộ canh tác phía trong từ lộ Hòa Điền vào phần đất của các hộ phía trong. Ông G và các hộ canh tác phía trong đi lối đi này không ai tranh chấp. Đến khi ông N chuyển nhượng đất cho ông K thì ông K không cho Ông G và các hộ có đất phía trong đi trên lối đi công cộng trước đây. Ông G xác định căn cứ theo sơ đồ giải thửa năm 1997 thì có thể hiện lối đi công cộng. Bị đơn ông K cho rằng từ hiện trạng quyền sử dụng đất (QSD đất) trước đây không có lối đi chỉ có con mương công cộng nên ông K chỉ đồng ý trả lại con mương công cộng cho Nhà Nước, không đồng ý cho Ông G và các hộ lân cận đi trên phần đất của mình vì ảnh hưởng đến việc canh tác của ông. Đồng thời Ông G và các hộ đều có lối đi khác vào đất của mình ở phía trong.

Căn cứ theo Công văn số 174/UBND-TNMT ngày 15/5/2019 của Ủy ban nhân dân huyện K2 xác định: Nguồn gốc đất của ông K là do ông N nhận chuyển nhượng của ông H. Thời điểm ông H kê khai cấp giấy chứng nhận QSD đất năm 2004 thì cán bộ địa chính xã không kiểm tra thực tế thửa đất nên ông H đã kê khai chồng lên phần diện tích đường dẫn nước công cộng của Nhà Nước, phòng Địa chính huyện cũng thiếu thẩm định hồ sơ trước khi trình UBND huyện cấp giấy chứng nhận QSD đất cho ông H. Qua đối chiếu hồ sơ giải thửa được thành lập năm 1997 thì giấy chứng nhận QSD đất của ông H gồm thửa 104, 105 tờ bản đồ số 05 và đường nước công cộng nằm cặp hai thửa đất này.

Ngày 18/6/2012 ông H chuyển nhượng QSD đất cho ông N toàn bộ diện tích đất trên. Sau đó ông N được xét cấp đổi giấy chứng nhận QSD đất số BX 124990 ngày 4/8/2015. Quá trình sử dụng ông N đã lấp đường nước cũ và đào đường nước mới có diện tích 1.734,5m² như hiện nay. Ngày 21/12/2016 ông N chuyển nhượng đất cho ông K, ông K sử dụng từ đó đến nay.

Quá trình giải quyết cấp sơ thẩm ông K bà L1 tự nguyện giao trả đường dẫn nước có diện tích 1.734,5m² lớn hơn đường dẫn nước trước đây là 1.500m² và việc khôi phục này không làm hạn chế ảnh hưởng đến việc sản xuất của Ông G, bà L và các hộ lân cận. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ông G, buộc ông K bà L1 giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để cơ quan quản lý đất đai huyện K2 điều chỉnh phần diện tích đường dẫn nước ra khỏi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện do ông Lâm Chí K đứng tên. Tuy nhiên xét đơn khởi kiện Ông G thấy rằng: Ông G yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông K trả lại con kênh công cộng của Nhà Nước (kênh công cộng) theo đúng hiện trạng trước kia có bề ngang rộng 5m chạy dài tới kênh 500 giáp với phần đất của Ông G và các hộ lân cận để ông và các hộ lân cận có đường đi lại sản xuất và lấy nước để nuôi tôm. Tại phiên tòa phúc thẩm Ông G cũng xác định con kênh công cộng trước đây có chiều ngang 5 mét nhưng nay ông K chỉ trả lại hiện trạng con kênh hơn 3 mét ngang thì ông không đồng ý do gây thiếu diện tích con kênh của Nhà nước, Tại phiên tòa ông xác định khởi kiện đòi lại con kênh công cộng cho Nhà nước chứ không phải đòi vì quyền lợi riêng của ông.

Xét thấy việc khởi kiện này của Ông G tại đơn khởi kiện ngày 08/01/2018 (bút lục số 02) và yêu cầu tại phiên tòa phúc thẩm thì không phải yêu cầu quyền về lối đi qua bất động sản liền kề mà yêu cầu về quyền, lợi ích của Nhà nước cụ thể như đã nói ở trên. Căn cứ Điều 187 Bộ luật tố tụng Dân sự và theo hướng dẫn tại Điều 2 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao quy định về quyền khởi kiện vụ án dân sự để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khác, lợi ích công cộng và lợi ích của Nhà nước thì tại khoản 4 điều 187 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 có quy định: “Cơ quan, tổ chức trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có quyền khởi kiện vụ án dân sự để yêu cầu Tòa án bảo vệ lợi ích công cộng, lợi ích của Nhà nước thuộc lĩnh vực mình phụ trách hoặc theo quy định của pháp luật”. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý yêu cầu khởi kiện của Ông G và giải quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông G là không đúng quy định pháp luật.

Từ những nhận định trên, qua thảo luận nghị án Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận quan điểm đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang, không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn G, ông Nguyễn Văn S. Hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện K2 và đình chỉ giải quyết vụ án.

[3]. Về án phí: Áp dụng khoản 3 Điều 218 BLTTDS; khoản 3 Điều 18 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự không phải chịu án phí sơ thẩm.

Nguyên đơn Ông G được nhận lại 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001791 ngày 28/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K2.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm.

Ông G, ông S không phải chịu án phí phúc thẩm, mỗi người được nhận lại 300.000đ đã nộp theo biên lai số 0004324 và 0004326 cùng ngày 18/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K2.

[4]. Về Chi phí tố tụng: Chi phí đo đạc, phí thanh toán là 1.723.000 đồng nguyên đơn Ông G đã nộp xong.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 187; điểm a khoản 1 Điều 192; điểm g khoản 1 Điều 217; khoản 1,3, 4 Điều 218, khoản 4 điều 308; Điều 311 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

1. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số: 84/2019/DS-ST ngày 20 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện K2, tỉnh Kiên Giang và đình chỉ giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 148/2019/TLDS-PT ngày 11/9/2019 về việc “Tranh chấp lối đi và đường dẫn nước phục vụ sản xuất” giữa nguyên đơn ông Nguyễn Văn G với bị đơn ông Lâm Chí K; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Trúc L, bà Đỗ Thị Hồng L1, Ủy ban nhân dân huyện K2, tỉnh Kiên Giang.

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: ông Nguyễn Văn G được nhận lại 300.000đ (tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001791 ngày 28/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K2.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn G, ông Nguyễn Văn S không phải chịu án phí phúc thẩm, mỗi người được nhận lại 300.000đ đã nộp theo biên lai số 0004324 và 0004326 cùng ngày 18/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K2, tỉnh Kiên Giang.

3. Về chi phí tố tụng: Chi phí đo đạc, phí thanh toán là 1.723.000 đồng nguyên đơn Ông G đã nộp xong.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện K2;
- Chi cục THADS huyện K2;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Bá Kha

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Bá Kha

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện K2;
- Chi cục THADS huyện K2;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Bá Kha

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Văn Linh

Ngô Thị Minh Trang

Nguyễn Thị Kim Hường

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện Tân Hiệp;
- Chi cục THADS huyện Tân Hiệp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Hương

